TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: **60**/2019/DS-PT
Ngày: 13/3/2019
V/v:"Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:	**Bà Nguyễn Thị Thuý**
Các Thẩm phán:	**Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến**
	Ông Mai Tiến Dũng
Đại diện VKSND TP Hà Nội:	**Bà Dương Thị Xuân Cảnh – KSV**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:	**Ông Phạm Thái An – Cán bộ Toà án**

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2019/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất",* do Bản án sơ thẩm số 15/2018/DS – ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX - PT ngày 08/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐPT-HPT ngày 25/02/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1955
Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện CM, Hà Nội

Bị đơn:

Anh Lê Tuấn V – Sinh năm 1974
HKTT: Thôn CĐ, xã TT, huyện CM, Hà Nội
Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện CM, Hà Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê ĐÌnh N – Sinh năm 1979
2. Chị Trần Thị M – Sinh năm 1984 *(Vợ anh Nam).*
** Đại diện theo uỷ quyền của anh Nam, chị Mai:* Anh Lê Tuấn V
Địa chỉ: thôn Tân An, xã TT, huyện CM, TP Hà Nội.
3. Chị Nguyễn Thị P – Sinh năm 1977 *(Vợ Anh Lê Tuấn V)*

4. Cháu Lê Nguyễn Trúc L – Sinh năm 2004

5. Cháu Lê Nguyễn Trúc M – Sinh năm 2006

6. Cháu Lê Nguyễn Ngọc D – Sinh năm 2015

HKTT: Thôn CĐ, xã TT, huyện CM, Hà Nội

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện CM, Hà Nội.

** Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Nguyễn Trúc L, Lê Nguyễn Trúc M, Lê Nguyễn Ngọc D: Anh Lê Tuấn V và chị Nguyễn Thị P*

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B – Nguyên đơn

Có mặt tại phiên tòa: Bà B, anh V, chị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Thửa đất của bà Nguyễn Thị B là thửa đất số 394, tờ bản đồ số 03 diện tích 200m^2 đã được UBND huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 366732 ngày 23/8/2010. Nguồn gốc thửa đất của bà B là do bà mua của UBND xã TT từ năm 1989, đến ngày 10/11/1996 UBND xã TT mới họp xét chuyển nhượng thành đất thổ cư và đến ngày 30/4/1998 UBND xã TT mới hoàn tất thủ tục mua bán với bà B. Thửa đất bà mua có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất của gia đình bà Bùi Thị S và bờ ngòi tiêu nước của công; phía Tây giáp đất công (sau này bà Nguyễn Thị B mua) dài 26m; phía Nam giáp bờ ao công dài 6m; phía Bắc giáp lưu không đường đê Đáy dài 9,4m, tổng diện tích mua là 200m^2. Năm 2006 bà tiến hành xây dựng tầng hầm và làm 02 tầng nổi. Khi xây, bà xây dựng phần móng dạng móng chân vịt nên bà xây không hết đất mà bớt lại 10cm và có đổ mố bê tông để giữ cõi bảo vệ móng nhà.

Bà Nguyễn Thị B cũng mua đất của UBND xã TT nhưng mua sau bà, thửa đất của bà Bảy cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, Anh Lê Tuấn V là cháu trong họ (anh V gọi bà bằng cô) nhận chuyển nhượng 1/2 diện tích đất của bà Nguyễn Thị B. Cùng năm 2013 Anh Lê Tuấn V xây dựng tầng hầm. Khi anh V khởi công có gọi bà sang để thống nhất mốc giới giữa hai nhà, khi sang nhà anh V bà có nói là móng nhà bà xây là móng chân vịt và còn thừa một ít, hai bên chưa thống nhất thì anh V có những lời nói không đúng mực nên bà có nói *"đất nhà anh đến đâu thì anh cứ làm đến đó"* và bà bỏ về. Anh V xây dựng nhà đã cố tình phá mố cột bê tông để xây sang hết phần đất 10cm của bà để lại, móng nhà bà là móng chân vịt hở 10cm nên anh V đã xây đè lên phần móng chân vịt của gia đình bà. Theo bà B anh V đã xây lấn sang đất nhà bà khoảng 20cm. Khi anh V xây móng nhà và

tầng hầm xong bà có biết gia đình anh V đã xây sang đất của bà nhưng bà không có ý kiến gì vì khi đó bà bận đi Lào để buôn gỗ. Đến năm 2015, khi anh V làm 02 tầng nổi, anh V đã ghép cốt pha đổ cột bê tông lên cửa sổ và tường nhà bà mà không được sự đồng ý của bà. Hiện từ tầng 1 (tầng hầm) lên đến tầng 3 của gia đình bà do anh V xây dựng lấn sang nên nước mưa chảy sang nhà bà làm bong tróc sơn nhà. Sau khi anh V xây dựng nhà xong anh V không thu dọn vật liệu rơi vãi sang, bà đã nhiều lần sang bảo anh V dọn nhưng anh V không dọn.

Tháng 6/2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị B ở Miền Nam về có đến bảo bà ký giáp ranh để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho Anh Lê Tuấn V và anh Lê ĐÌnh N nhưng bà không ký. Nhiều lần bà có nói nếu anh V biết lỗi sang xin lỗi bà thì bà sẽ bỏ qua và tạo điều kiện cho anh V nhưng anh V không sang xin lỗi.

Bà đã đo thực tế sau khi trừ lưu không đường đê Đáy (đo theo lòng nhà + tường xây) thì gia đình bà hiện chỉ còn chiều rộng là 9,2m. Điều đó chứng tỏ gia đình anh V đã xây lấn sang gia đình bà là 20cm chạy dọc theo phần nhà anh V xây dựng. Nay bà khởi kiện yêu cầu gia đình Anh Lê Tuấn V phải tháo dỡ nhà để trả lại cho bà diện tích đã lấn chiếm.

**** Bị đơn là Anh Lê Tuấn V (Anh Lê Tuấn V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P, anh Lê ĐÌnh N, chị Trần Thị M) trình bày:***

Vợ chồng anh nhận chuyển nhượng 1/2 diện tích đất của bà Nguyễn Thị B năm 2013. Khi mua bán hai bên tính diện tích mua bán theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 123,5m^2, do chồng bà Bảy là chú ruột vợ anh V nên việc mua bán không làm giấy tờ mua bán mà chỉ thanh toán tiền theo 1/2 diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng anh đã xây dựng phần tầng hầm với diện tích xây dựng khoảng 70m^2 giáp với diện tích đất của gia đình bà B theo đúng diện tích đã nhận chuyển nhượng. Trước khi xây dựng, anh có mời bà B và cán bộ địa chính xã đến kiểm tra thống nhất mốc giới giữa hai gia đình. Khi đào móng xong, anh có mời bà B sang để thống nhất cõi mốc nhưng bà B không có ý kiến gì. Bà B đã tự phá phần gờ chắn nước tại 02 cửa sổ của nhà bà B mà trước đây bà B xây sang đất của gia đình bà Bảy để gia đình anh xây dựng giáp với nhà bà B. Ngoài việc bà B tự phá gờ chắn nước cửa sổ thì bà B còn nhờ thợ xây của gia đình anh đập mấu cột thò sang đất nhà anh. Khi xây xong phần tầng hầm thì bà B cũng không có ý kiến thắc mắc gì về ranh giới giữa hai gia đình.

Nay bà B cho rằng bà B xây móng chân vịt để thừa 10cm đất về phía đất của gia đình anh là không đúng, vì trên thực tế không ai xây móng chân vịt mà lại để thừa đất ra bên ngoài. Mặt khác, móng của gia đình anh xây sâu hơn móng của gia đình bà B, nếu bà B cho rằng anh xây dựng tường trên phần móng chân vịt của nhà

bà B thì phần tường nhà anh chịu lực trên móng của nhà bà B chứ không phải chịu lực trên cột trụ của nhà anh là vô lý. Khi xây dựng tầng hầm, anh xây đủ và đúng 1/2 diện tích đất mua của bà Bảy, đến khi gia đình xây xong phần tầng hầm thì bà B cũng không có ý kiến hay thắc mắc gì.

Đến năm 2015, gia đình anh xây thêm hai tầng nổi phía trên tầng hầm. Sau khi xây xong, gia đình anh đã ở tại nhà mới xây thì bà B cũng không có ý kiến gì.

Đến khoảng tháng 4/2018 anh có nhận được giấy mời của UBND xã TT đến làm việc do bà B cho rằng gia đình anh đã xây lấn sang đất của gia đình bà B. Anh khẳng định gia đình anh xây đúng mốc giới đã nhận chuyển nhượng và không lấn sang đất của gia đình bà B. Bà B xây nhà trước (xây năm 2006), bà B xây luôn cả tầng hầm và 2 tầng nổi, giữa đất anh nhận chuyển nhượng và đất của gia đình bà B có cột bê tông làm mốc giới, khi bà B xây đã phá bỏ cột mốc giới giữa hai gia đình để xây, hiện nay cột mốc do UBND xã TT cắm khi giao đất giữa đất của gia đình bà Bảy trước đây và gia đình ông Tào Đức Văn hiện vẫn còn.

Anh thừa nhận khi anh xây dựng nhà, do nhà anh xây giáp với nhà bà B nên việc vữa rơi vãi sang nhà bà B là điều không thể tránh khỏi. Bà B xây nhà trước có mở cửa sổ sang đất của bà Bảy, khi anh nhận chuyển nhượng đất của bà Bảy và xây nhà thì việc xây bịt cửa sổ của nhà bà B cũng là điều không thể tránh khỏi. Khi xây dựng phần tường giáp với đất nhà bà B do xây giáp ranh nên việc vữa rơi vãi sang phần cửa sổ nhà bà B là có, khi ghép cốt pha đổ cột giáp đất nhà bà B do thợ đổ cột ghép cốt pha không chắc nên khi đầm bê tông thì phần cột của nhà có bị uốn sang phần cửa sổ nhà bà B (tầng 2 và 3), việc bị uốn sang này không phải là lấn mà do cốt pha yếu, việc này nếu bà B cho anh sang nhà thì anh sẽ có trách nhiệm thuê thợ dùng khoan để tẩy phần bê tông uốn sang cửa sổ nhà bà B để trả lại nguyện trạng. Còn bà B cho rằng gia đình anh khi xây dựng nhà đã xây đè lên phần móng chân vịt của gia đình bà B là không đúng vì anh xây dựng đúng diện tích và đúng mốc giới đã nhận chuyển nhượng. Anh không đồng ý yêu cầu đòi đất của bà B.

Bản án sơ thẩm số 15/2018/DS – ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM đã xử và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Ngày 12/11/2018 bà B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V thừa nhận phần cột bê tông nhà anh tại vị trí cửa sổ và phía sân sau tầng 3 nhà bà B có sang phần tường nhà bà B từ 3cm đến 5cm do trong quá trình thi công thợ xây đã ghép cốt pha lên tường nhà bà B tại vị trí này. Anh đề nghị bà B cho phép anh cho thợ sang khắc phục phá dỡ phần xây sang này và dọn dẹp phần bê tông rơi vãi sang nhà bà B.

Bà B không đồng ý đề anh V sang nhà bà khắc phục hậu quả phần cột bê tông lấn sang này và đề nghị anh V phải phá dỡ nhà của anh V để trả lại phần đất mà anh V lấn chiếm sang nhà bà.

Hai bên không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Nghị án

- Các đương sự chấp hành tương đối tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng được pháp luật tố tụng quy định.

- Về việc kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà B làm trong thời hạn luật định nên được coi là hợp lệ.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B.

Cụ thể: Xác định anh V có xây dựng lấn sang phần đất nhà bà B ở vị trí cửa sổ tầng 2 và sân phía sau tầng 3 nhà bà B 3cm và5 cm và có việc rơi vãi vữa bê tông sang sân, cửa sổ nhà bà B. Việc khắc phục hậu quả của việc xây dựng lấn sang này rất khó khăn. Do vậy, cần buộc anh V phải có trách nhiệm bồi thường cho bà B giá trị đất phần lấn sang đất nhà bà B và bồi thường tiền công để bà B tự khắc phục việc rơi vãi vật liệu xây dựng sang nhà bà B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh V phải bồi thường cho bà B nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền anh V phải bồi thường để tính án phí dân sự sơ thẩm cho anh V.

XÉT THẤY

Sau khi kiểm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án công khai tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Diện tích đất của bà Nguyễn Thị B được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận ngày 23/8/2010 là 200m^2 thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 03 tại Thôn TT, xã TT, huyện CM, Hà Nội. Theo sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất thửa 394 tờ bản đồ số 03 này có chiều rộng mặt đường (cách tim đường Đê Đáy 10m) là 9,4m.

Diện tích đất của bà Nguyễn Thị B được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận ngày 09/6/2014 là 247m^2 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 03 tại Thôn TT, xã TT, huyện CM, Hà Nội. Theo sơ đồ thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất thửa 348 tờ bản đồ số 03 có chiều rộng mặt đường (cách tim đường Đê Đáy 10m) là 10m.

Diện tích đất thực tế gia đình bà B và gia đình anh Nam, chị Mai (do gia đình anh V sử dụng ½) được Công ty cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội đo đạc và lập hồ sơ kỹ thuật tháng 9/2018 thì: Thửa đất số 348, tờ bản đồ số tại 03 Thôn TT do gia đình anh Nam chị Mai và anh V đang quản lý sử dụng có diện tích là 245m^2, có chiều rộng mặt đường cách tim đường đê sông Đáy là 10,26m; thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 tại Thôn TT do bà B đang thực tế sử dụng có diện tích là 221,5m^2 có chiều rộng mặt đường cách tim đường đê sông Đáy là 9,5m.

Như vậy, diện tích đất của gia đình bà B thực tế sử dụng không bị thiếu so với diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được UBND huyện CM cấp; diện tích đất của gia đình bà Bảy thực tế sử dụng rộng hơn so với số đo trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,26m nhưng cũng không có căn cứ để cho rằng việc dư diện tích của gia đình bà Bảy (nay là anh Nam, chị Mai, anh V) là do lấn sang đất thửa 394 của bà B.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2019 do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành thì thấy 01 cột bê tông nhà anh V nằm trên tường của nhà bà B 05 cm tại vị trí cửa sổ tầng 1 nhà bà B; 02 cột bê tông nhà anh V nằm trên tường nhà bà B 03cm tại vị trí sân sau tầng 2 nhà bà B.

Anh V và chị P tại phiên tòa hôm nay cũng thừa nhận, việc cột bê tông của nhà anh chị có một phần nằm trên tường nhà bà B tại vị trí cửa sổ tầng 1 và sân sau tầng 2 nhà bà B là do thợ xây của gia đình anh chị đã để cốt pha ghép cột đè lên trên tường nhà bà B tại các vị trí này. Khi bà B có ý kiến thì anh chị mới biết và có yêu cầu bà B để anh chị thuê thợ sang nhà bà B "tẩy" phần bê tông cột nằm trên tường nhà bà B nhưng bà B không đồng ý. Nếu bà B vẫn không đồng ý để anh sang khắc phục hậu quả thì anh chỉ có thể thanh toán cho bà B số tiền 1.000.000 đồng để bà B tự khắc phục hậu quả.

Về phần móng nhà: Cả bà B và anh V đều khẳng định móng nhà của nhà bà B và nhà anh V đều xây dạng móng "chân vịt", qua kiểm tra hiện trạng thì tầng hầm nhà anh V và tầng hầm nhà bà B có tường xây giáp nhau và tường nhà ai xây trên phần đất của nhà mình, không có sự lấn sang nhau; toàn bộ trần nhà và tường nhà bà B không thấy bị rạn, nứt.

Như vậy, không có căn cứ xác định móng nhà anh V xây sang phần đất nhà bà B hoặc đè lên móng nhà bà B như bà B trình bày.

Việc 03 cột bê tông nhà anh V nằm một phần lên trên tường nhà bà B như trên đã nêu thì có nghĩa là anh V có sự lấn chiếm một phần đất (khoảng không tại vị trí cửa sổ tầng 1 và sân sau tầng 2) nhà bà B. Bà B không đồng ý để anh V sang nhà bà để khắc phục hậu quả của việc xây dựng này và thực tế cho thấy việc khắc phục phần lấn chiếm này là rất khó khăn. Tại phiên tòa hôm nay, bà B đề nghị anh V phải phá dỡ nhà của anh V để khắc phục hậu quả của việc xây dựng này. Hội đồng xét xử thấy, nhà anh V là nhà 03 tầng kiên cố, gia đình anh V đang sử dụng tại nhà này, hậu quả của việc xây dựng lấn sang nhà bà B như nêu ở trên cũng không làm ảnh hưởng nhiều đến công trình nhà ở của bà B. Do đó không cần thiết phải buộc anh V phải phá dỡ nhà của anh để khắc phục hậu quả của sự lấn chiếm mà cần buộc anh V phải có trách nhiệm bồi thường cho bà B giá trị phần đất mà cột bê tông nhà anh lấn sang nhà bà B, đồng thời anh V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với công trình xây dựng của bà B bị ảnh hưởng do một phần cột bê tông nhà anh nằm trên tường nhà bà B và bồi thường cho bà B trong việc khắc phục, dọn dẹp số bê tông vương vãi sang sân, cửa sổ nhà bà B. Bản án sơ thẩm có nhận định trong bản án về vấn đề này nhưng trong phần quyết định không buộc anh V phải bồi thường là không thỏa đáng.

Cụ thể:

- Phần đất do cột bê tông nhà anh V lấn sang nhà bà B có diện tích là: (5cm x 30cm)+(3cm x 30cm)x2 = 0,033m^2; trị giá là: 0,033m^2 x 10.000.000đồng/m^2 = 330.000đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng). Anh V phải thanh toán trả bà B số tiền trị giá phần đất lấn chiếm này.

- Về phần bồi thường thiệt hại đối với công trình xây dựng của bà B do ảnh hưởng của phần cột bê tông nhà anh V nằm trên tường nhà bà B và bồi thường cho bà B trong việc dọn dẹp bê tông vương vãi sang sân, cửa sổ nhà bà B: Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh V phải bồi thường cho bà B hai khoản này số tiền là 9.670.000 đồng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) là phù hợp.

Việc phần tường phòng thờ nhà bà B phía giáp nhà anh V bị ẩm mốc, tróc sơn không có căn cứ cho rằng do việc xây dựng nhà anh V gây ra.

Như vậy, tổng cộng anh V phải có thanh toán cho bà B số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho bà B. Cụ thể, anh V phải chịu 5% x 10.000.000 đồng = 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Bà B không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 1.300.000 đồng dự phí đã nộp *(theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003470 ngày 02/7/2018)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Về án phí DSPT: Bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội và xử cụ thể như sau:

Áp dụng: Điều 163, 164, 166,169,170 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Anh Lê Tuấn V.

1.1. Xác định: 01 cột bê tông nhà anh V nằm trên tường của nhà bà B 05cm tại vị trí cửa sổ tầng 1 nhà bà B; 02 cột bê tông nhà anh V nằm trên tường nhà bà B 03cm tại vị trí sân sau tầng 2 nhà bà B. Tổng diện tích phần cột bê tông lấn sang nhà bà B là 0,033m^2.

1.2. Buộc anh Lê Tuấn V phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi ngàn đồng) trị giá phần đất lấn chiếm.

- Buộc anh Nguyễn Tuấn Vân phải bồi thường thiệt hại cho bà B do ảnh hưởng công trình xây dựng nhà của gia đình anh V chồng lấn một phần sang công trình xây dựng nhà bà B và bồi thường cho bà B trong việc dọn dẹp bê tông vương vãi sang sân, cửa sổ nhà bà B tổng số tiền là 9.670.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng.

Tổng cộng, anh Lê Tuấn V phải bồi thường cho bà B số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc chưa thi hành xong

các khoản tiền phải thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Lê Tuấn V phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 1.300.000 đồng dự phí đã nộp *(theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003470 ngày 02/7/2018)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, Thành phố Hà Nội.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà B không phải chịu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND huyện CM;*
- *Chi cục THADS huyện CM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng, hồ sơ.*